**TRƯỜNG THCS ĐÌNH XUYÊN**

**ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10**

**MÔN: SINH HỌC**

**Năm học: 2019 – 2020**

**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Nội dung** | **Biết** | | **Hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng NC** | | **Tổng** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Chương I:**  **Di truyền và biến dị** | 2  0, 5 |  | 2  0,5 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 6  1,5 |
| **Chương II:**  **Nhiễm sắc thể** | 2  0,5 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 5  1,25 |
| **Chương III:**  **AND và gen** | 3  0,75 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 6  1,5 |
| **Chương IV:**  **Biến dị** | 3  0,75 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  | 6  1,5 |
| **Chương V:**  **Di truyền học người** | 2  0,5 |  | 1  0,25 |  |  |  |  |  | 3  0,75 |
| **Chương VI:**  **Ứng dụng di truyền học** | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  |  |  |  |  | 2  0,5 |
| **PHẦN II:**  **SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**  **Chương I:**  **Sinh vật và môi trường** | 3  0,75 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  |  |  | 5  1,25 |
| **Chương II:**  **Hệ sinh thái** | 2  0,5 |  | 1  0,25 |  | 1  0,25 |  |  |  | 4  1 |
| **Chương III:**  **Con người, dân số và môi trường** | 2  0,5 |  | 1  0,25 |  |  |  |  |  | 3  0,75 |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm** | 20  5 |  | 10  2,5 |  | 6  1,5 |  | 4  1 |  | 40  10 |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÌNH XUYÊN**  Họ và tên:…………………..  Số báo danh: ……………………. | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10**  **MÔN: SINH HỌC**  **Năm học: 2019 – 2020**  **Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)** |

**ĐỀ SỐ 1**

***Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.***

**Câu 1. Cho cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích thu được.**

A. Toàn quả đỏ B. Toàn quả vàng

C. 1 quả đỏ : 1 quả vàng D. 3 quả đỏ : 1 quả vàng

**Câu 2.Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là**.

A. Chia đều chất nhân cho 2 tế bào

B. Sao chép nguyên vẹn bộ nhiễm sắc thể của tế bào mẹ cho 2 tế bào con

C. Sự phân chia đồng đều tế bào chất của tế bào mẹ cho 2 tế bào con

D. Đảm bảo cho 2 tế bào con giống tế bào mẹ

**Câu 3.**Một gen có 3000 nucleotit, biết G=30% số nucleotit của gen. Tính số liên kết hidro có trong gen đó:

A. 5100 B. 3900 C. 3600 D. 4000

**Câu 4. Định luật phân li độc lập các cặp tính trạng được biểu hiện ở :**

A. Con lai luôn phân tính

B. Con lai luôn đồng tính.

C. Con lai thu được đều thuần chủng.

D. Sự di truyền của các cặp tính trạng không phụ thuộc vào nhau.

**Câu 5. Yếu tố nào tạo nên tính đa dạng và tính đặc thù của protein là:**

A. Thành phần, số lượng và trật tự các axit amin.

B. Thành phần, số lượng và trật tự các nucleotit.

C. Thành phần, số lượng của các cặp nucleotit trong ADN.

D. Cả 3 yếu tố trên.

**Câu 6. Theo nguyên tắc bổ sung thì về mặt số lượng đơn phân những trường hợp nào trong các trường hợp sau là đúng ?**

A. T+X+A = T+X+G B. X+G+T = T+X+A

C. X+T = G+A D. T=G ; X=T

**Câu 7. Trong thụ tinh, sự kiện quan trọng nhất là ?**

A. Sự tổ hợp bộ NST của giao tử đực và giao tử cái.

B. Sự kết hợp chất nhân của 2 giao tử

C. Các giao tử kết hợp với nhau theo tỉ lệ 1 :1

D. Sự kết hợp chất tế bào của 2 giao tử

**Câu 8. Loại ARN nào sau đây có vai trò trong quá trình tổng hợp protein là:**

A. ARN vận chuyển B. ARN thông tin

C. ARN riboxom D. Cả 3 loại ARN trên

**Câu 9. Đột biến gen là biến đổi về?**

A. Cấu trúc của NST B. Cấu tạo của NST

C. Số lượng của NST D. Số lượng của gen

**Câu 10.Một đoạn mạch của gen có cấu trúc sau: Mạch 1: -A-T-G-X-T-X-G-**

**Mạch 2: -T-A-X-G-A-G-X-**

**Trình tự các mạch đơn phân của đoạn mạch ARn được tổng hợp từ mạch 2 sẽ là:**

A. –A -T-G-X-T-X-G- B. –A-U-G-X-T-X-G-

C. –U-T-G-X-T-X-G- D. –A-U-G-X-U-X-G-

**Câu 11.Ở chuột, màu sắc và chiều dài di truyền độc lập với nhau, mỗi tính trạng do một gen chi phối. Khi cho giao phối 2 dòng chuột thuần chủng lông đen, dài với chuột lông trắng, ngắn được F1 toàn lông đen, ngắn. cho chuột F1 tiếp tục giao phối với nhau được F2 có tỉ lệ kiểu hình như thếnào trong các trường hợp sau :**

A. 9 lông đen, dài : 3 lông đen, ngắn : 3 lông trắng, dài : 1 lông trắng, ngắn.

B.9 lông đen, dài : 3 lông đen, ngắn : 3 lông trắng, ngắn : 1 lông trắng, dài.

C**.** 9 lông trắng, ngắn : 3 lông đen, ngắn : 3 lông trắng, dài : 1 lông đen, ngắn.

D. 9 lông đen, ngắn : 3 lông đen, dài : 3 lông trắng, ngắn : 1 lông trắng, dài.

**Câu 12. Ở ruồi giấm 2n=8. Một tế bào kì sau của nguyên phân. Số NST trong tế bào đó bằng bao nhiêu ?**

A. 4 B. 8 C. 16 D 32

**Câu 13. NST đóng xoắn cực đại trong rõ nhất kì nào:**

A. Kì đầu B. Kì giữa C. Kì sau D. Kì cuối

**Câu 14.Yếu tố nào quyết định tính đa dạng và đặc thù của phân tử protein.**

A. Số lượng, thành phần các axit amin trong phân tử protein.

B. Mức độ cấu trúc của phân tử protein.

C. Trình tự sắp xếp các axit amin trong phân tử protein.

D. Số lượng, thành phần, trình tự và mức độ cấu trúc.

**Câu 15. Củ cải có bộ NST bình thường 2n=18. Trong một tế bào sinh dưỡng của củ cải người ta đếm được 27NST. Đây là thể gì ?**

A. Thể ba nhiểm B. Tam bội C. Tứ bội D. Dị bội 2n-1

**Câu 16.Loại biến dị nào có nhiều khả năng xảy ra qua sinh sản hữu tính:**

A. Biến dị tổ hợp B. Đột biến gen

C. Đột biến nhiễm sắc thể D. Thường biến

**Câu 17. Những dạng nào thuộc thể đa bội chẵn ?**

A. Dạng 2n-1 B. Dạng 3n C. Dạng 8n D. Cả a, b, c

**Câu 18. Bệnh bạch tạng do một gen lặn qui định . Một cặp vợ chồng có màu da bình thường và đều có kiểu gen dị hợp thì tỉ lệ phần trăm con của họ mắc bệnh bạch tạng là :**

A. 25% B. 50% C. 75% D. 100%

**Câu 19. Có thể có tối đa bao nhiêu thể 3 nhiễm khác nhau ở loài 2n = 20?**

A. 40 B. 30 C. 20 D. Cả a và b

**Câu 20. Loại biến dị nào không di truyền qua sinh sản hữu tính:**

A. Biến dị tổ hợp B. Đột biến gen

C. Đột biến nhiễm sắc thể D. Thường biến

**Câu 21. Bộ nhiễm sắc thể của người bị bệnh bạch tạng là :**

A. 2n= 44 B. 2n =45 C. 2n = 46 D. 2n = 47

**Câu 22.Phát biểu nào sau đây là không đúng với chức năng của di truyền y học tư vấn?**

1. Chẩn đoán. C. Cho lời khuyên quan đến các bệnh và tật di truyền.
2. Cung cấp thông tin. D. Điều trị các tật, bệnh di truyền.

**Câu 23. Trong ứng dụng di truyền học, cừu Đôli là sản phẩm của phương pháp:**

1. Gây đột biến gen C. Nhân bản vô tính
2. Gây đột biến dòng tế bào xôma D. Sinh sản hữu tính

**Câu 24.Hoocmôn nào sau đây được dùng để trị bệnh đái tháo đường ở người?**

1. Glucagôn B. Ađrênalin C. Tirôxin D. Insulin

**Câu 25. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa giống ở cây giao phấn là**

1. Do giao phấn xảy ra ngẫu nhiên giữa các loài thực vật
2. Do lai khác thứ
3. Do tự thụ phấn bắt buộc
4. Do lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau

**Câu 26.Thế nào là môi trường sống của sinh vật?**

1. Là nơi tìm kiếm thức ăn, nước uống của sinh vật.
2. Là nơi ở của sinh vật.
3. Là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.
4. Là nơi kiếm ăn, làm tổ của sinh vật .

**Câu 27.Khi nào các yếu tố của môi trường như đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một nhân tố sinh thái?**

1. Khi các yếu tố của môi trường không ảnh hưởng lên đời sống sinh vật.
2. Khi sinh vật có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.
3. Khi sinh vật có ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường.
4. Khi các yếu tố của môi trường tác động lên đời sống sinh vật.

**Câu 28. Cây thông mọc riêng rẽ nơi quang đãng thường có tán rộng hơn cây thôngmọc xen nhau trong rừng vì:**

1. Ánh sáng mặt trời chiếu được đến các phía của cây.
2. Cây có nhiều chất dinh dưỡng.
3. Ánh sáng mặt trời tập trung chiếu vào cành cây phía trên.
4. Cây có nhiều chất dinh dưỡng và phần ngọn của cây nhận nhiều ánh sáng.

**Câu 29. Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:**

1. Chúng là nơi ở của các sinh vật khác.
2. Các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.
3. Cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
4. Cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.

**Câu 30.Vai trò quan trọng nhất của ánh sáng đối với động vật là:**

1. Kiếm mồi.
2. Nhận biết các vật.
3. Định hướng di chuyển trong không gian.
4. Sinh sản.

**Câu 31. Ở nhiệt độ quá cao (cao hơn 400C) hay quá thấp (00C) các hoạt động sống của hầu hết các loại cây xanh diễn ra như thế nào?**

A. Các hạt diệp lục được hình thành nhiều.

B. Quang hợp tăng – hô hấp tăng.

C. Quang hợp giảm.– hô hấp tăng.

D. Quang hợp giảm thiểu và ngưng trệ, hô hấp ngưng trệ.

**Câu 32. Ở động vật hằng nhiệt thì nhiệt độ cơ thể như thế nào?**

A. Nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

B. Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

C. Nhiệt độ cơ thể thay đổi ngược với nhiệt độ môi trường.

D. Nhiệt độ cơ thể tăng hay giảm theo nhiệt độ môi trường.

**Câu 33. Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật biến nhiệt?**

A. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu. B. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.

C. Bồ câu, mèo, thỏ, dơi. D. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

**Câu 34. Địa y sống bám trên cành cây. Giữa địa y và cây có mối quan hệ theo kiểu nào ?**

A. Cộng sinh. B. Hội sinh.

C. Kí sinh. D. Nửa kí sinh.

**Câu 35. Tập hợp cá thể nào dưới đây là quần thể sinh vật?**

A. Tập hợp các cá thể giun đất, giun tròn, côn trùng, chuột chũi đang sống trên một cánh đồng.

B. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi đang sống chung trong một ao.

C. Tập hợp các cây có hoa cùng mọc trong một cánh rừng.

D. Tập hợp các cây ngô ( bắp) trên một cánh đồng.

**Câu 36. Tháp dân số thể hiện :**

A. Đặc trưng dân số của mỗi nước

B. Thành phần dân số của mỗi nước

C. Nhóm tuổi dân số của mỗi nước

D. Tỉ lệ nam/ nữ của mỗi nước

**Câu 37. Chỉ số thể hiện mật độ cá thể của từng loài trong quần xã là:**

A. Độ đa dạng B. Độ nhiều,

C. Độ thường gặp D. Độ tập trung

**Câu 38. Biện pháp hạn chế ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật**

A. Trồng rau sạch .

B. Hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

C. Bón phân cho thực vật .

D. Trồng rau sạch , hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

**Câu 39. Các năng lượng không sinh ra khí thải là:**

A. Năng lượng mặt trời . B. Khí đốt thiên nhiên .

C. Năng lượng gió D. Năng lượng mặt trời và năng lượng gió .

**Câu 40. Xây dựng nhiều công viên , trồng cây xanh để:**

A. Hạn chế bụi . B. Điều hoà khí hậu .

C. Xử lí chất thải nông nghiệp. D. Hạn chế bụi , điều hoà khí hậu

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐÌNH XUYÊN**  Họ và tên:…………………..  Số báo danh: ……………………. | **ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10**  **MÔN: SINH HỌC**  **Năm học: 2019 – 2020**  **Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)** |

**ĐỀ SỐ 2**

***Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.***

**Câu 1. Kiểu hình là gì?**

A. Là tổ hợp các tính trạng của cơ thể.

B. Là những đặc điểm hình thái được biểu hiện.

C. Bao gồm những đặc điểm cấu tạo và hình thái của cơ thể.

D. Cả A và C.

**Câu 2. Biến dị tổ hợp là?**

A. Là làm thay đổi những kiểu hình đã có. B. Là tạo ra những biến đổi hàng loạt.

C. Là sự tổ hợp lại những tính trạng đã có ở bố mẹ. D. Cả A và B.

**Câu 3.Qua giảm phân ở động vật, mỗi noãn bào bậc I cho ra bao nhiêu trứng có kích thước lớn tham gia vào việc thụ tinh?**

A. 1 Trứng B. 2 Trứng C. 3 Trứng D. 4 Trứng

**Câu 4. Biến dị tổ hợp là :**

A. Những kiểu hình mới do tổ hợp lại.

B. Những kiểu hình mới khác bố mẹ do tổ hợp lại.

C. Những kiểu hình mới khác kiểu hình bố mẹ do tổ hợp lại các tính trạng của bố mẹ.

D. Những kiểu hình mới khác kiểu hình bố mẹ do các nguyên nhân khác với sự tổ hợp lại các tính trạng của bố mẹ.

**Câu 5. Đột biến gen là hiện tượng :**

A. Sự biến đổi trong biểu hiện của gen do tương tác với môi trường.

B. Sự biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan tới một hoặc một số cặp nucleôtit

C. Sự biến đổi trong trật tự sắp xếp các gen trên ADN.

D. Sự biến đổi trong cấu trúc của một loạt gen liên tiếp nhau trên phân tử ADN.

**Câu 6. Phân tử AND có chiều dài 3400 A0. Tính số chu kỳ vòng xoắn?**

A. 100 B. 120 C. 130 D. 150

**Câu 7. Ở động vật nếu số tinh bào bậc I và số noãn bào bậc I bằng nhau thì :**

A. Số tinh trùng nhiều gấp đôi số trứng. B. Số tinh trùng nhiều gấp 4 lần số trứng.

C. Số trứng nhiều gấp 4 lần số tinh trùng D. Số tinh trùng và số trứng bằng nhau.

**Câu 8. Vào kì giữa của quá trình nguyên phân, các NST kép được xếp như thế nào trên thoi phân bào ?**

A. Xếp lộn xộn trên thoi phân bào

B. Xếp thành 2 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào

C. Xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

D. Tất cả A, B và C

**Câu 9. Một gen có 3000(Nu), trong đó số nuclêôtit loại T= 800. Hỏi số nuclêôtit loại X bằng bao nhiêu?**

A. 1400 nu B. 900 nu C. 600 nu D. 700 nu

**Câu 10. Bộ NST của người bị bệnh Đao thuộc dạng nào dưới đây ?**

A. 2n – 1 B. 2n + 1 C. 2n + 2 D. 2n – 2

**Câu 11: Sinh vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi nhất ở vị trí nào trong giới hạn sinh thái?**

1. Gần điểm gây chết dưới.
2. Gần điểm gây chết trên.
3. Ở điểm cực thuận
4. Ở trung điểm của điểm gây chết dưới và điểm gây chết trên.

**Câu 12. Điều nào sau đây đúng khi nói về thường biến là?**

A. Là biến đổi có liên quan đến nhân đôi của NST B. Là loại biến dị di truyền

C. Là biến đổi có liên quan đến cấu trúc gen D. Là loại biến dị không di truyền

**Câu 13.Bậc cấu trúc nào sau đây có vai trò chủ yếu xác định tính đặc thù của protein?**

A. Cấu trúc bậc I B. Cấu trúc bậc 2 C. Cấu trúc bậc 3 D. Cấu trúc bậc 4

**Câu 14.Ở chó lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài.**

**P: lông ngắn thuần chủng X lông dài. Kiểu hình F1 ra sao**

A. 3lông dài:1lông ngắn B. Toàn lông dài

C. 3lông ngắn:1lông dài D. Toàn lông ngắn

**Câu15. Tại sao phụ nữ không nên sinh con ở độ tuổi ngoài 35?**

1. Phụ nữ sinh con ngoài tuổi 35 thì đứa con dễ mắc bệnh, tật di truyền
2. Khi con lớn bố mẹ đã già không đủ sức lực đầu tư cho con phát triển tốt
3. Chăm sóc con nhỏ ở người đứng tuổi không phù hợp về thể lực và sức chịu đựng
4. Phụ nữ sinh con ngoài tuổi 35 thì 100% con sinh ra mắc bệnh , tật di truyền

**Câu 16.Thế nào là đột biến NST?**

A. Là những biến đổi về số lương NST B. Là những biến đổi về cấu trúc NST

C. Là những biến đổi về kiểu hình của cơ thể D. Cả A và B

**Câu 17.Các NST giới tính nào có trong bộ NST Của người mắc bệnh Tơcnơ?**

A. XX B. XXX C. XY D. OX

**Câu 18. Kết thúc kì cuối của giảm phân I số NST của tế bào là:**

A. nNST đơn B. 2nNST đơn C. nNST kép D. 2nNST kép

**Câu 19. Mức phản ứng của cơ thể do yếu tố nào qui định**

A. Điều kiện môi trường B. Kiểu gen của cơ thể qui định

C. Thời kì sinh trưởng và phát triển của cơ thể D. Mức dao động của tính di truyền.

**Câu 20. Cây ưa sáng thường sống nơi nào?**

1. Nơi nhiều ánh sáng tán xạ. B. Nơi có cường độ chiếu sáng trung bình.

C. Nơi quang đãng. D. Nơi khô hạn.

**Câu 21. Những dạng nào thuộc thể dị bội?**

A. Dạng 2n-2 B. Dạng 3n C. Dạng 4n D. Cả a, b, c

**Câu 22. Nguyên nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm môi trường, làm tăng số người mắc bệnh, tật di truyền là do:**

1. Khói thải ra từ các khu công nghiệp.
2. Sự tàn phá các khu rừng phòng hộ do con người gây ra.
3. Các chất phóng xạ và hóa chất có trong tự nhiên hoặc do con người tạo ra.
4. Nguồn lây lan các dịch bệnh.

**Câu 23. Trong công đoạn của công nghệ tế bào, người ta tách tế bào hoặc mô từ cơ thể rồi mang nuôi cấy trong môi trường nhân tạo để tạo:**

1. Cơ thể hoàn chỉnh. C. Cơ quan hoàn chỉnh.
2. Mô sẹo. D. Mô hoàn chỉnh.

**Câu 24. Trong kĩ thuật cấy gen, ADN tái tổ hợp được hình thành bởi:**

1. Phân tử ADN của tế bào nhận là plasmit
2. Một đoạn ADN của tế bào cho với một đoạn ADN của tế bào nhận là plasmit
3. Một đoạn mang gen của tế bào cho với ADN của thể truyền
4. Một đoạn ADN mang gen của tế bào cho với ADN tái tổ hợp

**Câu 25. Trong chọn giống vi sinh vật, để tạo ra những loại vắcxin phòng bệnh cho người và gia súc, người ta chọn:**

1. Các thể đột biến tạo ra các chất có hoạt tính cao
2. Các thể đột biến sinh trưởng mạnh
3. Các thể đột biến giảm sức sống (yếu so với dạng ban đầu)
4. Các thể đột biến rút ngắn thời gian sinh trưởng

**Câu 26. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa giống ở động vật là:**

1. Do giao phối xảy ra ngẫu nhiên giữa các loài động vật
2. Do giao phối gần
3. Do lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau
4. Do lai phân tích

**Câu 27. Đặc điểm cấu tạo của động vật vùng lạnh có ý nghĩa giúp chúng giữ nhiệt cho cơ thể chống rét là:**

A. Có chi dài hơn.

B. Cơ thể có lông dày và dài hơn ( ở thú có lông).

C. Chân có móng rộng.

D. Đệm thịt dưới chân dày.

**Câu 28. Rừng mưa nhiệt đới là:**

A. Một quần thể sinh vật B. Một quần xã thựcvật

C. Một quần xã động vật D. Một quần xã sinhvật

**Câu 29. Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất khi thực hiện phép lai giữa:**

1. Các cá thể khác loài
2. Các dòng thuần có kiểu gen khác nhau
3. Các cá thể được sinh ra từ một cặp bố mẹ
4. Hoa đực và hoa cái trên cùng một cây

**Câu 30. Trong chọn giống cây trồng, người ta không dùng phương pháp tự thụ phấn để :**

1. Duy trì một số tính trạng mong muốn B. Tạo dòng thuần

C. Tạo ưu thế lai D. Chuẩn bị cho việc tạo ưu thế lai

**Câu 31. Nhân tố sinh thái là :**

1. Các yếu tố vô sinh hoặc hữu sinh của môi trường.
2. Tất cả các yếu tố của môi trường.
3. Những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.
4. Các yếu tố của môi trường ảnh hưởng gián tiếp lên cơ thể sinh vật.

**Câu 32. Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật hằng nhiệt?**

A. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi. B. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, chó sói.

C. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu. D. Bồ câu, chó sói, thỏ, dơi.

**Câu 33. Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn bên kia không có lợi và cũng không có hại là mối quan hệ?**

A. Ký sinh. B. Cạnh tranh.

C. Hội sinh. D. Cộng sinh.

**Câu 34. Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở con lai của phép lai nào sau đây?**

A. P: AABbDD X AABbDD

B. P: AaBBDD X Aabbdd

C. P: AAbbDD X aaBBdd

D. P: aabbdd X aabbdd

**Câu 35.Suy giảm độ đa dạng của sinh học là nguyên nhân gây nên**

A. Mất cân bằng sinh thái . B. Làm suy giảm hệ sinh thái rừng .

C. Làm suy giảm tài nguyên sinh vật . D. Làm ức chế hoạt động của các vi sinh vật .

**Câu 36.Ví dụ nào sau đây không phải là quần thể sinh vật?**

A. Các cá thể chim cánh cụt sống ở bờ biển Nam cực.

B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.

C. Các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.

D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng Đông bắcViệt Nam.

**Câu 37. Khắc phục ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật gồm các biện pháp nào ?**

A. Biện pháp sinh học và biện pháp canh tác .

B. Biện pháp canh tác , bón phân .

C. Bón phân , biện pháp sinh học .

D. Biện pháp sinh học , biện pháp canh tác , bón phân hợp lí .

**Câu 38.Tại sao ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F1, còn sau đó giảm dần qua các thế hệ?**

1. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ các tổ hợp đồng hợp trội giảm dần và không được biểu hiện

B. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ các tổ hợp đồng hợp trội biểu hiện các đặc tính xấu

C. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ dị hợp giảm dần, đồng hợp lặn tăng dần và biểu hiện các đặc tính xấu

D. Vì các thế hệ sau, tỉ lệ dị hợp giảm dần, đồng hợp trội tăng dần và biểu hiện các đặc tính xấu

**Câu 39. Hãy cho biết nhóm tài nguyên nào sau đây là cùng một dạng (tài nguyên tái sinh, không tái sinh hoặc năng lượng vĩnh cửu) :**

A. Rừng, tài nguyên đất, tài nguyên nước

B. Dầu mỏ, khí đốt, tài nguyên sinh vật

C. Bức xạ mặt trời, rừng, nước

D. Đất, tài nguyên sinh vật, khí đốt

**Câu 40. Vai trò của việc trồng cây gây rừng trên vùng đất trọc, đất trống là:**

1. Hạn chế xói mòn, lũ lụt, cải tạo khí hậu
2. Cho ta nhiều gỗ
3. Phủ xanh vùng đất trống
4. Bảo vệ các loài động vật

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10**

**MÔN: SINH HỌC**

**Năm học: 2019 – 2020**

**ĐỀ I**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | A | B | B | D | A | C | A | D | A | D | D | C | B | D | B | A | C | A | C | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| Đáp án | C | D | C | D | C | C | D | A | C | C | D | A | A | B | D | A | B | D | D | D |

**ĐỀ II**

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | A | C | A | C | B | A | B | C | D | B | C | D | A | D | A | D | D | C | B | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| Đáp án | A | C | B | C | C | B | B | D | B | C | C | D | C | C | A | C | D | C | A | A |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BGH  **Đoàn Thúy Hòa** | Nhóm trưởng  **Lý Lý Hương Na** | Người ra đề  **Nguyễn Thị Trang** |